

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Bảo

2. Bà Phan Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Nữ Thanh Hường là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2019, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh X, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Thôn Quảng Hòa, xã Cam Thành Nam, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Quang L, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Thôn Quảng Hòa, xã Cam Thành Nam, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, bản khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Trương Thị Thanh X trình bày: Bà và ông Bùi Quang L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Trà Phú, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01, quyền số 04, cấp ngày 20/8/1999.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2004, từ khi bà sinh đứa con thứ hai thì cuộc sống kinh tế gia đình

ngày càng khó khăn và vợ chồng nảy sinh bất hòa cho đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông L đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm gánh vác gia đình, bà có khuyên răn nhưng ông L không nghe mà còn có hành vi thô lỗ với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đến tháng 01/2019 vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Quang L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là cháu Bùi Phương D, sinh ngày: 02/01/2000 và cháu Bùi Tuệ T, sinh ngày 29/11/2004.

Cháu Bùi Phương D đã đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Bùi Tuệ T, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bà làm nhân viên phục vụ cho công ty suất ăn hàng không Masco, thu nhập mỗi tháng hiện nay 6.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X. Về con chung: Bà X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tuệ T và ghi nhận sự tự nguyện của bà X về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có. Bà X phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Giấy khai sinh mang tên Bùi Phương D, Bùi Tuệ T.

Chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Thanh X.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trương Thị Thanh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Bùi Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[1.2] Bà Trương Thị Thanh X yêu cầu ly hôn ông Bùi Quang L. Yêu cầu của bà X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà X và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Trà Phú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01, quyển số 04, cấp ngày 20/8/1999. Do đó, hôn nhân giữa bà X và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đến tháng 01/2019 vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm nhau, bà X xác định tình cảm với ông L không còn nữa nên bà kiên quyết ly hôn ông Bùi Quang L.

Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, ông L không đến tòa để tham gia hòa giải, xét xử, trình bày ý kiến và không có biện pháp để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, điều đó chứng tỏ ông thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông và bà X.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà X yêu cầu được ly hôn ông L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Trương Thị Thanh X và ông Bùi Quang L có 02 con chung là cháu Bùi Phương D, sinh ngày: 02/01/2000 và cháu Bùi Tuệ T, sinh ngày 29/11/2004. Cháu Bùi Phương D đã đủ 18 tuổi, bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà X yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tuệ Tâm, sinh ngày 29/11/2004 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Bùi Tuệ T hiện nay còn nhỏ, lại là nữ cần có sự chăm sóc chu đáo, giáo dục giới tính từ người mẹ, cháu T đang chung sống với bà X và có nguyện vọng tiếp tục được chung sống với bà X, hơn nữa bà X thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng có khả năng tài chính đảm bảo vật chất nuôi cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tuệ T là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thanh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Bà Trương Thị Thanh X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Thanh X.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thị Thanh X được ly hôn ông Bùi Quang L.

2. *Về con chung:* Bà Trương Thị Thanh X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Bùi Tuệ T, sinh ngày 29/11/2004.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Thanh X về việc không yêu cầu ông Bùi Quang L cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Bà Trương Thị Thanh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí:* Bà Trương Thị Thanh X nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000265 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Trương Thị Thanh X đã nộp đủ.

Bà Trương Thị Thanh X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Bùi Quang L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Trà Phú, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy